

Số thứ tự	Tỉnh	Xã, huyện	Đơn vị đóng quân
06	NGHỆ AN	Huyện Quế Phong - Xã Thông Thụ - Xã Tri Lễ Huyện Kỳ Sơn - Xã Na Ngòi	Đồn Biên phòng 515 Đồn Biên phòng 519 Đồn Biên phòng 545
07	QUẢNG BÌNH	Huyện Minh Hóa - Xã Trọng Hóa	Đồn Biên phòng 589
08	THỪA THIÊN - HUẾ	Huyện A Lưới - Xã Hương Nguyên	Đồn Biên phòng 637
09	QUẢNG NAM	Huyện Hiên - Xã Ga Ry	Đồn Biên phòng 651
10	KON TUM	Huyện Ngọc Hồi - Xã Sa Loong	Đồn Biên phòng 701
11	GIA LAI	Huyện I A Grai - Xã I A Chia Huyện Chư Prông - Xã I A Mơ	Đồn Biên phòng 719 Đồn Biên phòng 731
12	ĐẮC NÔNG	Huyện Đắc Song - Xã Thuận Hạnh	Đồn Biên phòng 765
13	BÌNH PHƯỚC	Huyện Bù Đốp - Xã Hưng Phước	Đồn Biên phòng 787

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số **320/2004/QĐ-BKH** ngày **02/4/2004** về việc ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự

án đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 114/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tại Công văn số 237/UB-KKT ngày 19 tháng 2 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Ban

quản lý) là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn tỉnh Bình Phước hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Hồ sơ dự án đầu tư được lập theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Ủy quyền Ban quản lý tiếp nhận hồ sơ của các dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất nói trên và thẩm định, cấp Giấy phép đầu tư cho các dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Các dự án đầu tư Ban quản lý được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với Quy hoạch chi tiết và Điều lệ Khu công nghiệp hoặc Khu chế xuất đã được phê duyệt.

2. Là những dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ công nghiệp có quy mô đến 40 triệu đô la Mỹ, trừ những dự án thuộc Nhóm A theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ và được bổ sung, sửa đổi tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

3. Thiết bị, máy móc và công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành; trường hợp không đáp ứng các quy định đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền

quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật chấp thuận.

4. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ.

Điều 3. Việc xem xét cấp giấy phép đầu tư theo quy trình đăng ký cấp giấy phép đầu tư hoặc quy trình thẩm định cấp giấy phép đầu tư do Ban quản lý thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng của địa phương theo quy định tại các Điều 104, 105, 106, 107, 108 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ và được bổ sung, sửa đổi tại các khoản 22, 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

Ban quản lý có trách nhiệm xây dựng quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chức năng của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4.

1. Ban quản lý tổ chức thẩm định và tự quyết định việc cấp Giấy phép đầu tư đối với các loại dự án sau:

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp là doanh nghiệp chế xuất có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đô la Mỹ;

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp đáp ứng các quy định tại Điều 2 Quyết định này có quy mô đến 5 triệu đô la Mỹ.

2. Thời hạn Ban quản lý thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư là 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ dự án, không kể thời gian chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư theo yêu cầu của Ban quản lý.

Mọi yêu cầu của Ban quản lý đối với nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ dự án.

3. Đối với các dự án đầu tư nằm ngoài các quy định nêu trên thì trước khi ra quyết định, Ban quản lý có trách nhiệm gửi Tóm tắt hồ sơ dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư; lấy ý kiến các Bộ, ngành về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp điều chỉnh Giấy phép đầu tư, có nhiệm vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án; quá thời hạn nói trên mà không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận dự án.

Điều 5. Giấy phép đầu tư được soạn thảo theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh Ban quản lý gửi Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (bản chính) và Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ quản lý ngành kinh

tế - kỹ thuật và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (bản sao).

Điều 6. Đối với các dự án Ban quản lý không được ủy quyền cấp giấy phép đầu tư, sau khi tiếp nhận, Ban quản lý giữ lại 1 bộ hồ sơ (bản sao) và chuyển toàn bộ số hồ sơ dự án còn lại kèm theo ý kiến của Ban quản lý về dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 109 và 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 7.

1. Ban quản lý hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án; thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất theo các quy định tại Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

2. Ban quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư và cả các Giấy phép đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền.

3. Những trường hợp Ban quản lý quyết định với sự thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà vượt quá hạn mức vốn được ủy quyền,

thay đổi mục tiêu hoặc bổ sung mục tiêu dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam trong các trường hợp liên doanh hoặc chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài.

- Giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ

Võ Hồng Phúc